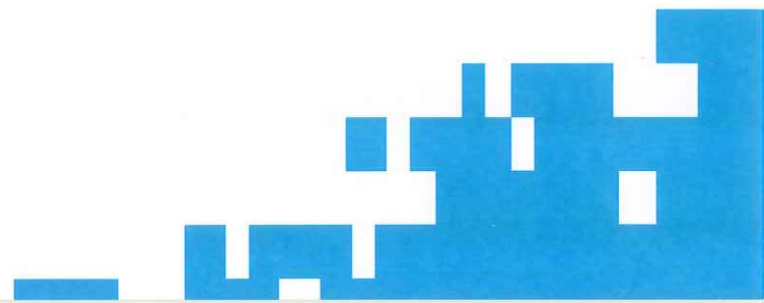




CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 08, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

MỤC LỤC

Trang

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1 – 2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

3 – 4

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Bảng cân đối kế toán

5 – 6

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

7

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

8 – 9

Bản thuyết minh báo cáo tài chính

10 – 38

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phủ Đồng Thiên Vương, Phường 08, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính riêng đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Lê Đình Hiến	Chủ tịch
Ông Trần Hùng Phương	Thành viên – miễn nhiệm ngày 01/10/2023
Ông Trần Việt Thắng	Thành viên
Ông Lý Chủ Hưng	Thành viên
Ông Phan Công Ngôn	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Lê Huy Sáu	Trưởng ban
Bà Hoàng Thị Lụa	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Liên	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Lê Văn Quý	Tổng Giám đốc
Ông Trần Đại Hiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hầu Văn Tuấn	Giám đốc tài chính – bổ nhiệm ngày 01/10/2023
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Kế toán trưởng – bổ nhiệm ngày 01/10/2023

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 08, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính riêng được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính riêng.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Ông Lê Văn Quý
Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 25 tháng 03 năm 2024

Số: 272 /2024/KT-RSMHCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG**

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính riêng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25 tháng 03 năm 2024 từ trang 05 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

KT. TÔNG GIÁM ĐỐC



Lục Thị Vân
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0172-2023-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2024

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

Lê Võ Thùy Linh
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
3525-2021-026-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		163.135.154.397	185.655.726.263
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	74.493.281.520	79.396.065.061
1. Tiền	111		9.493.281.520	35.546.065.061
2. Các khoản tương đương tiền	112		65.000.000.000	43.850.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		73.190.943.830	91.568.707.196
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	31.065.507.500	54.551.302.068
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	27.638.289.744	32.521.096.886
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	4.054.414.928
4. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	4.5	19.100.000.000	2.100.000.000
5. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.6	1.773.087.036	4.625.961.539
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.7	(6.385.940.450)	(6.284.068.225)
III. Hàng tồn kho	140		14.607.410.524	13.027.653.119
1. Hàng tồn kho	141	4.8	14.607.410.524	13.027.653.119
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		843.518.523	1.663.300.887
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	324.074.074
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.13	843.518.523	1.339.226.813
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		155.438.113.521	155.003.299.542
I. Tài sản cố định	220		10.322.217.021	9.887.403.042
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.9	7.370.434.763	9.887.403.042
Nguyên giá	222		88.222.103.550	96.148.713.728
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(80.851.668.787)	(86.261.310.686)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.10	2.951.782.258	-
Nguyên giá	228		3.139.364.500	124.364.500
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(187.582.242)	(124.364.500)
II. Đầu tư tài chính dài hạn	250		145.115.896.500	145.115.896.500
1. Đầu tư vào công ty con	251	4.2	145.115.896.500	145.115.896.500
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		318.573.267.918	340.659.025.805

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 08, Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		148.009.466.225	178.375.764.447
I. Nợ ngắn hạn	310		148.009.466.225	178.375.764.447
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.11	11.355.121.178	10.838.311.946
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.12	125.013.189.735	153.598.058.130
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.13	255.083.687	470.798.005
4. Phải trả người lao động	314		2.808.125.600	2.843.289.500
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.14	2.687.665.535	4.316.000.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.15	306.910.019	1.354.945.033
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.16	40.000.000	587.000.000
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	4.17	4.671.365.732	3.200.000.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		872.004.739	1.167.361.833
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		170.563.801.693	162.283.261.358
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.18	170.563.801.693	162.283.261.358
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		144.000.000.000	144.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		144.000.000.000	144.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		9.052.708.180	9.052.708.180
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.030.553.178	6.071.657.587
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		15.480.540.335	3.158.895.591
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		15.480.540.335	3.158.895.591
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		318.573.267.918	340.659.025.805

Phê duyệt

Người lập

Lê Văn Quý
Tổng Giám đốcNguyễn Thị Thu Hương
Kế toán trưởng

Lâm Đồng, ngày 25 tháng 03 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 08, Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2023	Năm 2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	131.745.479.598	167.223.499.228
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.2	446.125.955	98.970.060
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		131.299.353.643	167.124.529.168
4. Giá vốn hàng bán	11	5.3	124.825.705.309	157.828.060.392
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		6.473.648.334	9.296.468.776
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.4	42.154.455.010	15.369.177.855
7. Chi phí tài chính	22	5.5	52.140.741	77.534.550
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		15.652.083	45.872.083
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	13.897.942.607	14.725.882.146
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		34.678.019.996	9.862.229.935
10. Thu nhập khác	31	5.7	4.367.550.131	531.361.569
11. Chi phí khác	32	5.8	1.977.890.278	34.695.913
12. Lợi nhuận khác	40		2.389.659.853	496.665.656
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		37.067.679.849	10.358.895.591
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.10	(12.860.486)	-
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		37.080.540.335	10.358.895.591

Phê duyệt

Lê Văn Quý
Tổng Giám đốc

Người lập

Nguyễn Thị Thu Hương
Kế toán trưởng

Lâm Đồng, ngày 25 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2023	Năm 2022
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		37.067.679.849	10.358.895.591
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.9	3.699.860.485	5.063.235.204
Các khoản dự phòng	03		1.573.237.957	3.927.242.254
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	5.4	(43.136.128.331)	(15.549.177.855)
Chi phí lãi vay	06		15.652.083	45.872.083
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		(779.697.957)	3.846.067.277
(Tăng) các khoản phải thu	09		37.230.179.936	(1.199.536.469)
(Tăng) hàng tồn kho	10		(1.579.757.405)	(4.708.999.480)
Tăng, (giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(30.995.306.860)	(8.950.648.821)
(Tăng) chi phí trả trước	12		324.074.074	(324.074.074)
Tiền lãi vay đã trả	14		(15.652.083)	(45.872.083)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.13	(9.742.703)	(690.967.441)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(295.357.094)	(251.800.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		3.878.739.908	(12.325.831.091)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(4.084.508.080)	(3.426.936.532)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.013.299.664	180.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(19.000.000.000)	(220.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		2.000.000.000	294.580.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		40.636.684.967	15.369.177.855
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		20.565.476.551	12.196.821.323

(Xem tiếp trang sau)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2023	Năm 2022
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	50.000.000	510.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(597.000.000)	(1.298.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu	36		(28.800.000.000)	(14.400.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(29.347.000.000)	(15.188.000.000)
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM				
(50 = 20+30+40)	50		(4.902.783.541)	(15.317.009.768)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		79.396.065.061	94.713.074.829
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM				
(70 = 50+60+61)	70	4.1	74.493.281.520	79.396.065.061



Lê Văn Quý
Tổng Giám đốc

Người lập

Nguyễn Thị Thu Hương
Kế toán trưởng

Lâm Đồng, ngày 25 tháng 03 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy Lợi Lâm Đồng (dưới đây gọi tắt là Công ty) được thành lập theo Quyết định số 82/2000/QĐ-UB ngày 27 tháng 06 năm 2000 của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Lâm Đồng, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 059247 ngày 27 tháng 07 năm 2000, và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất số 5800000424 ngày 12 tháng 08 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp để tăng vốn điều lệ.

Ngày 13 tháng 10 năm 2010, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký niêm yết cổ phiếu số 04/GCN-SGDHN ngày 07 tháng 01 năm 2010 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 144.000.000.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 08, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 56 (31/12/2022: 57).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Thi công xây dựng.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Thi công các công trình: Dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cấp, thoát nước;
- Chế tạo, lắp đặt cơ khí chuyên ngành thủy lợi, giao thông.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 08, Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**1.5. Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có các công ty con như sau:

Tên	Ngành nghề hoạt động chính	Địa chỉ	Tỷ lệ biểu quyết nắm giữ	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty con trực tiếp:					
Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng	Khai thác khoáng sản, sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng.	87 Phù Đổng Thiên Vương, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.	64,90%	64,90%	64,90%
Công ty Cổ phần Đầu Tư Và Xây Dựng 40	Thi công xây dựng công trình thủy lợi	201/58 Nguyễn Xí, Phường 26, quận Bình Thạnh, TP HCM	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty con gián tiếp:					
Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	87 Phù Đổng Thiên Vương, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.	100,00%	100,00%	64,90%
Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	Thôn Hiệp Thành, xã Tam Bó, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.	94,39%	94,39%	61,26%
Công ty TNHH MTV Bê Tông LBM Đắc Nông	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	Thôn 12, xã Nhân Cơ, huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông.	100,00%	100,00%	64,90%
Công ty TNHH MTV LBM Tân Phú	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	Thửa đất 239, 289 TĐĐ số 23, ấp Phú Hợp B, xã Phú Bình, huyện Tân Phú, Đồng Nai.	100,00%	100,00%	64,90%
Công ty TNHH MTV LBM Lộc Sơn	Sản xuất và kinh doanh bê tông	Khu Công nghiệp Lộc Sơn, Phường Lộc Sơn, Thành phố Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng.	100,00%	100,00%	64,90%

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính riêng, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

3.3. Đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty con khi Công ty có quyền kiểm soát các chính sách và hoạt động, thường thể hiện qua việc nắm giữ hơn 50% quyền biểu quyết.

Các khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính

Đối với các khoản đầu tư góp vốn vào công ty con.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng, dự phòng tổn thất được trích lập khi có cơ sở cho thấy có giá trị suy giảm so với giá trị đầu tư của doanh nghiệp.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con được tính dựa trên khoản lỗ của bên được đầu tư.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.4. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

- | | |
|----------------------------------|-------------|
| ▪ Máy móc thiết bị | 03 – 07 năm |
| ▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn | 05 – 06 năm |
| ▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý | 02 – 05 năm |

3.7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế là giá trị quyền sử dụng diện tích đất tại thửa đất số 102, tờ bản đồ số 37, xã Tiên Hoàng, huyện Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng trong 20 năm. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

3.8. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.9. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

3.10. Dự phòng phải trả

Một khoản dự phòng phải trả được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng phải trả không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng phải trả được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

3.11. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.12. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo chính sách kế toán về hợp đồng xây dựng như trình bày Mục 3.14 dưới đây.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thu nhập đầu tư

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định

Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định là phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định cao hơn giá trị còn lại của tài sản cố định, bất động sản đầu tư và chi phí thanh lý.

3.13. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: giảm giá hàng bán.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

3.14. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán theo tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thưởng thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn;
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

3.15. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.16. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn và các chi phí khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.17. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác.

3.18. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo mức thuế 10%.

Theo Nghị định số 44/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 06 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 101/2023/QH15 được Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua ngày 24 tháng 06 năm 2023, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% cho một số nhóm hàng hóa, dịch vụ theo quy định kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2023 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023. Cụ thể, các hàng hoá, dịch vụ sau đây được áp dụng thuế suất thuế GTGT 8%:

- Thi công xây lắp;
- Bán máy móc thiết bị và bán vật tư.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.19. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 08, Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Tiền mặt	141.392.091	14.417.826
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.351.889.429	35.531.647.235
Các khoản tương đương tiền (*)	65.000.000.000	43.850.000.000
Cộng	74.493.281.520	79.396.065.061

(*) Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng với lãi suất từ với lãi suất từ 2,10% đến 3,85%/năm.

Giá trị cuối năm của các khoản tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng là 8.000.000.000 VND với lãi suất 3,75%/năm đã được dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho việc phát hành bảo lãnh tạm ứng của công trình xây dựng hệ thống kênh Đông Thanh, Lâm Hà theo Hợp đồng số 272/HĐ-TCXD ngày 27 tháng 12 năm 2022.

4.2. Đầu tư vào công ty con

	Tại ngày 31/12/2023 VND			Tại ngày 01/01/2023 VND		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Công ty Cổ phần Khoáng Sản Và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng	110.775.469.000	623.040.000.000	-	110.775.469.000	533.478.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu Tư Và Xây Dựng 40	34.340.427.500	34.884.000.000	-	34.340.427.500	38.005.200.000	-
Cộng	145.115.896.500	657.924.000.000	-	145.115.896.500	571.483.200.000	-

Công ty đã xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng và Công ty Cổ phần Đầu Tư Và Xây Dựng 40 trên cơ sở giá niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ tại ngày 31/12/2023.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan – Xem thêm Mục 7	2.776.309.800	1.327.367.000
Phải thu từ khách hàng:		
BQL Dự án ĐT&XD Công trình NN&PTNT tỉnh Lâm Đồng	8.181.704.267	28.687.291.754
BQL Dự án ĐT&XD Công trình NN&PTNT tỉnh Tây Ninh	4.173.979.100	3.506.963.700
Công ty TNHH Xây dựng Đông Nam	4.646.937.948	4.646.937.948
Công ty CP Công trình và Thương mại Giao thông vận tải	3.528.200.000	3.528.200.000
Các khách hàng khác (*)	7.758.376.385	12.854.541.666
Cộng	31.065.507.500	54.551.302.068

(*) Tại ngày 31/12/2023, phải thu các khách hàng khác có số dư mỗi khoản dưới 10% tổng số phải thu ngắn hạn của khách hàng.

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Trả trước cho người bán là các bên liên quan – Xem thêm Mục 7	4.214.826.758	17.220.082.783
Trả trước cho người bán:		
Công ty TNHH Trọng Tín (*)	17.193.940.780	9.759.967.896
Các đối tượng khác (**)	6.229.522.206	5.541.046.207
Cộng	27.638.289.744	32.521.096.886

(*) Trả trước cho Công ty TNHH Trọng Tín liên quan đến dự án xây dựng hồ chứa nước Đông Thanh theo Hợp đồng số 01/2022/HĐKT-LHC-TT ngày 17 tháng 01 năm 2022 và dự án xây dựng hồ chứa nước KaZam, Đơn Dương theo Hợp đồng số 01KZ/2023/HĐ-LHC-TT ngày 29 tháng 11 năm 2023.

(**) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, trả trước các đối tượng khác ngắn hạn có số dư mỗi khoản trả trước dưới 10% tổng số trả trước cho người bán ngắn hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 08, Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.5. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Phải thu về cho vay các bên liên quan - Xem thêm Mục 7	15.000.000.000	-
BQL DA ĐT&XD và Công trình công cộng huyện Đơn Dương (*)	4.000.000.000	-
BQL DA ĐT&XD và Công trình công cộng huyện Đam Rông	100.000.000	100.000.000
BQL DA ĐT&XD Công trình NN&PTNT Lâm Đồng	-	2.000.000.000
Cộng	19.100.000.000	2.100.000.000

(*) Là khoản cho Ban QLDA ĐT&XD và công trình công cộng huyện Đơn Dương mượn tiền để đền bù giải phóng mặt bằng công trình Hồ Chứa Nước Kazam theo Công văn số 217/BQLDA ngày 19 tháng 12 năm 2023, không có lãi suất.

4.6. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2023 VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu khác là các bên liên quan – Xem thêm Mục 7	111.986.301	-	-	-
Tạm ứng với bên liên quan	-	-	3.608.727.539	-
Phải thu khác:				
Phải thu người lao động	1.655.625.735	-	1.017.234.000	-
Phải thu khác	5.475.000	-	-	-
Cộng	1.773.087.036	-	4.625.961.539	-

4.7. Nợ xấu

	Tại ngày 31/12/2023 VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	8.385.940.450	2.000.000.000	10.477.038.450	4.192.970.225

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 08, Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn là thấp vì khoản nợ đã quá hạn từ nhiều năm và khó có khả năng thu hồi.

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu, quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2023 VND			Tại ngày 01/01/2023 VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty TNHH Xây dựng Đồng Nam	4.646.937.948	2.000.000.000	5 năm	4.646.937.948	2.323.468.974	4 năm
Công ty CP Công trình & Thương Mại Giao Thông vận tải	3.528.200.000	-	3 năm	3.528.200.000	1.764.100.000	2 năm
Công ty CP Thủy điện Liên Gích TT QLKT CT	210.802.502	-	4 năm	210.802.502	105.401.251	3 năm
Công cộng Huyện Đạđẻh	-	-	-	2.033.760.000	-	4 năm
Công ty Cổ phần 508	-	-	-	57.338.000	-	4 năm
Cộng	8.385.940.450	2.000.000.000		10.477.038.450	4.192.970.225	

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 08, Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.8. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 31/12/2023		Tại ngày 01/01/2023	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	13.368.892.513	-	10.984.360.579	-
Hàng hóa	1.238.518.011	-	2.043.292.540	-
Cộng	14.607.410.524	-	13.027.653.119	-

(*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
	VND	VND
Hồ chứa nước Đông Thanh	7.469.204.899	6.756.974.817
Hồ chứa nước Ka Zam	2.179.724.250	-
Dự án Hạ tầng Vườn Chanh - Long An	1.841.152.648	-
Hồ chứa nước Tà Hoét	1.365.291.035	1.105.100.580
Công trình Lọc Sơn	462.519.681	-
Kênh và CTTK Vòm Cỏ Đông - Gói 17	51.000.000	790.000.000
Công trình Đập Bằng Lăng - Đam Rông	-	30.035.182
Nạo vét Suối Tân Lập - Đạ Tẻh	-	1.374.000.000
Nâng cấp Kênh Đạ Ròn; Đạ Đờn	-	38.250.000
Sửa chữa đập WB8 - Lâm Đồng	-	890.000.000
Cộng	13.368.892.513	10.984.360.579

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 08, Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:				
Tại ngày 01/01/2023	84.515.206.727	11.551.507.001	82.000.000	96.148.713.728
Mua trong năm	1.069.508.080	-	-	1.069.508.080
Tăng khác (*)	-	81.792.727	-	81.792.727
Thanh lý, nhượng bán	(9.077.910.985)	-	-	(9.077.910.985)
Tại ngày 31/12/2023	76.506.803.822	11.633.299.728	82.000.000	88.222.103.550
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Tại ngày 01/01/2023	77.851.009.124	8.380.083.041	30.218.521	86.261.310.686
Khấu hao trong năm	2.929.441.835	679.867.572	27.333.336	3.636.642.743
Thanh lý, nhượng bán	(9.046.284.642)	-	-	(9.046.284.642)
Tại ngày 31/12/2023	71.734.166.317	9.059.950.613	57.551.857	80.851.668.787
Giá trị còn lại:				
Tại ngày 01/01/2023	6.664.197.603	3.171.423.960	51.781.479	9.887.403.042
Tại ngày 31/12/2023	4.772.637.505	2.573.349.115	24.448.143	7.370.434.763

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 71.688.234.394 VND.

(*) Tăng khác do xác định lại nguyên giá xe ô tô dưới 9 chỗ theo Quyết định số 2417/QĐ-CTLĐO ngày 15 tháng 09 năm 2023 của Cục Thuế tỉnh Lâm Đồng.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 08, Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2023	-	124.364.500	124.364.500
Mua trong năm	3.015.000.000	-	3.015.000.000
Tại ngày 31/12/2023	3.015.000.000	124.364.500	3.139.364.500
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2023	-	124.364.500	124.364.500
Khấu hao trong năm	63.217.742	-	63.217.742
Tại ngày 31/12/2023	63.217.742	124.364.500	187.582.242
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2023	-	-	-
Tại ngày 31/12/2023	2.951.782.258	-	2.951.782.258

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 124.364.500 VND.

4.11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2023 VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên liên quan - Xem thêm Mục 7	69.622.793	69.622.793	-	-
Phải trả cho người bán:				
Công ty CP Xây dựng VNICC	2.075.299.095	2.075.299.095	2.665.528.000	2.665.528.000
Công ty CPĐT & XD Công trình Tây Đô	1.871.105.122	1.871.105.122	1.657.495.571	1.657.495.571
Công ty TNHH Hòa Hiệp	1.260.982.952	1.260.982.952	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác (*)	6.078.111.216	6.078.111.216	6.515.288.375	6.515.288.375
Cộng	11.355.121.178	11.355.121.178	10.838.311.946	10.838.311.946

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 08, Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(*) Tại ngày 31/12/2023, phải trả cho các đối tượng khác có số dư mỗi đối tượng nhỏ hơn 10% tổng số phải trả người bán ngắn hạn.

4.12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
BQL DA ĐT&XD Công trình NN&PT Nông Thôn Lâm Đồng (*)	75.200.000.000	78.850.220.688
BQL DA ĐT&XD và Công trình CC Huyện Lâm Hà (**)	21.600.000.000	21.600.000.000
BQL DA ĐT&XD và Công trình CC huyện Đơn Dương (***)	23.837.155.122	-
BQL DA Nông nghiệp Tỉnh Long An (****)	4.359.312.000	14.755.515.000
Các khách hàng khác	16.722.613	38.392.322.442
Cộng	125.013.189.735	153.598.058.130

(*) Người mua trả tiền trước là BQL DA ĐT&XD Công trình NN&PTNT Lâm Đồng liên quan đến công trình Ta Hoét, Định An theo Hợp đồng số 866/2021/HĐXL-ĐT&XDCT ngày 20 tháng 12 năm 2021.

(**) Người mua trả tiền trước là BQL DA ĐT&XD và Công trình CC Huyện Lâm Hà liên quan đến công trình xây dựng hệ thống kênh Đông Thanh, Lâm Hà theo Hợp đồng số 272/HĐ-TCXD ngày 27 tháng 12 năm 2022.

(***) Người mua trả tiền trước là BQL DA ĐT&XD và Công trình CC huyện Đơn Dương liên quan đến công trình xây dựng hồ chứa nước Kazam, huyện Đơn Dương theo Hợp đồng số 21/2023/HĐXD-BQLDA ngày 25 tháng 09 năm 2023.

(****) Người mua trả tiền trước là BQL DA Nông nghiệp Tỉnh Long An liên quan đến công trình vùng chuyên canh cây chanh huyện Bến Lức theo Hợp đồng số 28/HĐXD.2022 ngày 18 tháng 11 năm 2022.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 08, Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.13. Thuế và các khoản phải thu/ phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 31/12/2023		Trong năm		Tại ngày 01/01/2023	
	VND		VND		VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	525.539.402	-	759.418.818	241.107.339	1.043.850.881	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	317.979.121	-	(12.860.486)	9.742.703	295.375.932	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	255.083.687	2.361.323.167	2.577.037.485	-	470.798.005
Các khoản phí, lệ phí	-	-	516.982.371	516.982.371	-	-
Cộng	843.518.523	255.083.687	3.624.863.870	3.344.869.898	1.339.226.813	470.798.005

4.14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
	VND	VND
Trích trước giá vốn công trình Vườn Chanh Long an	332.634.880	1.255.000.000
Trích trước giá vốn công trình nạo vét Suối Tân Lập - Đạ Tẻh	2.221.472.895	-
Trích trước giá vốn công trình nạo vét HCN 'Lôm, Đơn Dương	90.192.727	-
Trích trước giá vốn các công trình còn lại	43.365.033	3.061.000.000
Cộng	2.687.665.535	4.316.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 08, Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.15. Phải trả ngắn hạn khác**

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Kinh phí công đoàn	122.457.524	85.323.633
Các khoản phải trả, phải nộp khác	184.452.495	1.269.621.400
Cộng	306.910.019	1.354.945.033

4.16. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Các khoản vay ngắn hạn được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2023 VND		Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay cá nhân	40.000.000	40.000.000	50.000.000	597.000.000	587.000.000	587.000.000

Vay cá nhân là khoản vay để bổ sung vốn lưu động, lãi suất theo lãi suất cho vay vốn lưu động của ngân hàng BIDV Lâm Đồng và không đảm bảo bằng tài sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 08, Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.17. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Đầu tư hạ tầng vườn chanh - Long An	1.392.677.483	-
Hồ chứa nước Đông Thanh - Lâm Hà	1.258.988.318	771.980.630
Các công trình khác	2.019.699.931	2.428.019.370
Cộng	4.671.365.732	3.200.000.000

Dự phòng bảo hành công trình được trích theo tỷ lệ trên doanh thu tùy thuộc vào từng hợp đồng thi công nhưng không quá 5% theo quy định của Nhà nước.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 08, Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.18. Vốn chủ sở hữu****4.18.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ VND	
Tại ngày 01/01/2022	72.000.000.000	21.052.708.180	63.071.657.587	10.520.303.989	166.644.669.756
Tăng vốn trong năm trước	72.000.000.000	(12.000.000.000)	(60.000.000.000)	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	10.358.895.591	10.358.895.591
Trích quỹ thuộc vốn chủ sở hữu theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ22-LHC ngày 26/04/2022	-	-	3.000.000.000	(3.000.000.000)	-
Chia cổ tức từ lợi nhuận 2021 theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ22-LHC ngày 25/04/2021	-	-	-	(7.200.000.000)	(7.200.000.000)
Chia cổ tức từ lợi nhuận 2022 theo Thông báo tạm ứng cổ tức bằng tiền ngày 01/11/2022	-	-	-	(7.200.000.000)	(7.200.000.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ22-LHC ngày 26/04/2022	-	-	-	(320.303.989)	(320.303.989)
Tại ngày 01/01/2023	144.000.000.000	9.052.708.180	6.071.657.587	3.158.895.591	162.283.261.358
Lãi trong năm nay	-	-	-	37.080.540.335	37.080.540.335
Chia cổ tức từ lợi nhuận 2022 theo Thông báo tạm ứng cổ tức bằng tiền ngày 02/03/2023 của HĐQT	-	-	(4.041.104.409)	(3.158.895.591)	(7.200.000.000)
Chia cổ tức từ lợi nhuận 2023 theo Thông báo tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2023 bằng tiền ngày 04/08/2023 của HĐQT	-	-	-	(21.600.000.000)	(21.600.000.000)
Tại ngày 31/12/2023	144.000.000.000	9.052.708.180	2.030.553.178	15.480.540.335	170.563.801.693



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.18.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Vốn góp của các cổ đông	144.000.000.000	144.000.000.000

4.18.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	14.400.000	14.400.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	14.400.000	14.400.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	14.400.000	14.400.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

4.18.4. Cổ tức đã trả

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Cổ tức đã trả cho cổ phiếu phổ thông	(28.800.000.000)	(14.400.000.000)

4.18.5. Các quỹ của doanh nghiệp

	Quỹ đầu tư phát triển VND
Tại ngày 01/01/2023	6.071.657.587
Trích trong năm	-
Chi trong năm	(4.041.104.409)
Tại ngày 31/12/2023	2.030.553.178

4.18.6. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 31/12/2023		Tại ngày 01/01/2023	
	Nguyên tệ	VND	Nguyên tệ	VND
Nợ khó đòi đã xử lý:				
Ban QLDA Đầu tư và xây dựng CTCC huyện ĐạTẻh -	-	2.033.760.000	-	-
Ban QLDA hồ Tuyền Lâm -	-	89.104.790	-	-
Công ty CP 508	-	57.338.000	-	-
Cộng	-	2.180.202.790	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 08, Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu hợp đồng xây dựng	131.745.479.598	167.223.499.228
Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan – Xem thêm Mục 7	9.406.684.307	5.197.590.587

Doanh thu hợp đồng xây dựng năm nay giảm hơn 21% so với năm trước là do trong năm không phát sinh nhiều công trình mới, trong khi đó, các công trình cũ đã gần hoàn thiện hết các hạng mục.

5.2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Giảm doanh thu hợp đồng xây dựng	446.125.955	98.970.060

5.3. Giá vốn hàng bán

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Giá vốn hợp đồng xây dựng	124.825.705.309	157.828.060.392

Giá vốn hợp đồng xây dựng năm nay tương ứng với mức giảm doanh thu trong năm như được thuyết minh tại Mục 5.1.

5.4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia từ bên liên quan – Xem thêm Mục 7	37.642.498.800	14.278.189.200
Lãi cho vay bên liên quan – Xem thêm Mục 7	111.986.301	-
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.399.969.909	1.090.988.655
Cộng	42.154.455.010	15.369.177.855

5.5. Chi phí tài chính

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi tiền vay	15.652.083	45.872.083
Chi phí tài chính khác	36.488.658	31.662.467
Cộng	52.140.741	77.534.550

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nhân viên	6.522.332.904	4.749.687.951
Chi phí vật liệu quản lý	100.272.727	103.714.881
Chi phí khấu hao TSCĐ	770.418.650	1.015.608.084
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dự phòng	2.192.970.225	4.192.970.225
Chi phí xóa nợ	89.104.790	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.202.690.194	1.715.034.855
Chi phí khác bằng tiền	3.017.153.117	2.945.866.150
Cộng	<u>13.897.942.607</u>	<u>14.725.882.146</u>

5.7. Thu nhập khác

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Bán vật tư cho bên liên quan – Xem thêm Mục 7	16.468.637	-
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định cho bên liên quan – Xem thêm Mục 7	727.272.728	-
Bán vật tư	2.001.079.401	60.867.273
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	254.400.593	180.000.000
Xóa công nợ	948.328.772	144.882.424
Thu nhập khác	420.000.000	145.611.872
Cộng	<u>4.367.550.131</u>	<u>531.361.569</u>

Thu nhập khác năm nay tăng hơn 722% so với năm trước chủ yếu là do thu nhập đến từ việc bán vật tư tại công trình.

5.8. Chi phí khác

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Giá vốn bán vật tư	1.878.308.379	34.695.900
Chi phí phạt thuế, vi phạm hành chính	99.465.002	-
Các khoản khác	116.897	13
Cộng	<u>1.977.890.278</u>	<u>34.695.913</u>

Chi phí khác năm nay tăng hơn 5601% so với năm trước là chủ yếu do chi phí giá vốn bán vật tư tại công trình và chi phí phạt thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	108.458.868.166	136.543.097.621
Chi phí nhân công	15.840.465.957	17.673.943.251
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.699.860.485	5.063.235.204
Chi phí dự phòng	2.192.970.225	4.192.970.225
Chi phí xóa nợ	89.104.790	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.778.794.783	8.541.257.761
Chi phí khác bằng tiền	7.048.115.444	5.283.133.850
Cộng	141.108.179.850	177.297.637.912

5.10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	37.067.679.849	10.358.895.591
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng theo Luật thuế TNDN	255.741.947	2.290.748.613
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm theo Luật thuế TNDN (*)	(37.642.498.800)	(14.278.189.200)
Trừ: Lỗ năm trước chuyển sang	(1.341.555.539)	-
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	(1.660.632.543)	(1.628.544.996)
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh	-	-
Cộng: Truy thu thuế TNDN theo Quyết định số 2417/QĐ-CTLĐO ngày 15 tháng 09 năm 2023	9.742.703	-
Trừ: Chi phí Thuế TNDN do hạch toán sai năm trước	(22.603.189)	-
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	(12.860.486)	-

Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là thu nhập, chi phí khi tính thuế như: chi phí nộp phạt vi phạm hành chính, chi phí khấu hao tài sản cố định vượt quá 1.6 tỷ, chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi...

(*) Lợi nhuận sau thuế được chia từ công ty con.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	50.000.000	510.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 08, Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(597.000.000)	(1.298.000.000)

7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

1. Công ty Cổ phần Đầu tư Và Xây dựng 40	Công ty con trực tiếp
2. Công ty Cổ phần Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	Công ty con trực tiếp
3. Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	Công ty con gián tiếp
4. Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành	Công ty con gián tiếp
5. Công ty TNHH Một Thành Viên Bê Tông LBM Đắc Nông	Công ty con gián tiếp
6. Công ty TNHH MTV LBM Tân Phú	Công ty con gián tiếp
7. Công ty TNHH MTV LBM Lộc Sơn	Công ty con gián tiếp
8. Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát	Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn:		
Công ty Cổ phần Đầu tư Và Xây dựng 40	2.690.539.800	1.327.367.000
Công ty Cổ phần Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	85.770.000	-
Cộng – Xem thêm Mục 4.3	2.776.309.800	1.327.367.000
	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Trả trước thương mại:		
Công ty Cổ phần Đầu tư Và Xây dựng 40 (*)	4.214.826.758	12.932.544.098
Công ty Cổ phần Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	-	4.287.538.685
Cộng – Xem thêm Mục 4.4	4.214.826.758	17.220.082.783

(*) Là khoản ứng trước theo theo Hợp đồng số 866/2021/HĐXL-ĐTXDCT ngày 20 tháng 12 năm 2021 để thực hiện công trình xây dựng hồ chứa nước Ta Hoét, huyện Đức Trọng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 08, Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Phải thu về cho vay ngắn hạn - Xem thêm Mục 4.5:		
Công ty Cổ phần Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	15.000.000.000	-
	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Trích trước lãi cho vay - Xem thêm Mục 4.6:		
Công ty Cổ phần Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	111.986.301	-
	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Phải trả cho người bán ngắn hạn - Xem thêm Mục 4.11:		
Công ty Cổ phần Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	(69.622.793)	-
Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:		
	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Cung cấp dịch vụ:		
Công ty Cổ phần Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	3.350.886.354	4.576.429.893
Công ty Cổ phần Đầu tư Và Xây dựng 40	6.897.682.000	1.052.083.000
Cộng	10.248.568.354	5.628.512.893
Trong đó:		
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan chưa bao gồm thuế – Xem thêm Mục 5.1	9.406.684.307	5.197.590.587
Thuế từ doanh thu cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan	841.884.047	430.922.306
	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Bán vật tư:		
Công ty Cổ phần Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	18.115.500	-
Trong đó:		
Bán vật tư cho các bên liên quan chưa bao gồm thuế – Xem thêm Mục 5.7	16.468.637	-
Thuế từ bán vật tư cho các bên liên quan	1.646.863	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 08, Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định:		
Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	800.000.000	-
Trong đó:		
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định cho các bên liên quan chưa bao gồm thuế – Xem thêm Mục 5.7	727.272.728	-
Thuế từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định cho các bên liên quan	72.727.272	-
	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Mua hàng và dịch vụ:		
Công ty Cổ phần Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	11.004.662.789	20.133.698.664
Công ty Cổ phần Đầu Tư Và Xây Dựng 40	5.330.155.840	8.093.252.000
Cộng	16.334.818.629	28.226.950.664
Trong đó:		
Mua hàng và dịch vụ cho các bên liên quan chưa bao gồm thuế	14.943.797.958	25.795.925.891
Thuế từ mua hàng và dịch vụ cho các bên liên quan	1.391.020.671	2.431.024.773
	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi cho vay – Xem thêm Mục 5.4:		
Công ty Cổ phần Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	111.986.301	-
	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Nhận cổ tức – Xem thêm Mục 5.4:		
Công ty Cổ phần Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	37.642.498.800	14.278.189.200
	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Cho vay:		
Công ty Cổ phần Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng (*)	15.000.000.000	-

(*) Đây là khoản vay tiền từ Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng – công ty mẹ nhằm bổ sung vốn lưu động với lãi suất 5,2%/năm theo Hợp đồng vay tiền số 01/2023/HĐVT/LHC – LBM.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 08, Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan.

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận do Công ty công bố. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được hưởng trong năm như sau:

Tên	Chức vụ	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Ông Lê Đình Hiến	Chủ tịch HĐQT	1.345.611.727	796.000.000
Ông Trần Việt Thắng	Thành viên HĐQT	120.000.000	105.000.000
Ông Trần Hùng Phương	Thành viên HĐQT đã miễn nhiệm	45.000.000	60.000.000
Ông Lý Chủ Hưng	Thành viên HĐQT	60.000.000	60.000.000
Ông Phan Công Ngôn	Thành viên HĐQT	60.000.000	60.000.000
Cộng		1.630.611.727	1.081.000.000

Thu nhập của từng thành viên Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong năm như sau:

Tên	Chức vụ	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Ông Lê Văn Quý	Tổng Giám đốc	1.117.588.000	830.506.000
Ông Trần Đại Hiền	Phó Tổng Giám đốc	603.540.000	276.500.000
Ông Kim Ngọc Đăng	Phó Tổng Giám đốc đã miễn nhiệm	10.000.000	267.967.000
Ông Hậu Văn Tuấn	Giám đốc tài chính	559.988.000	413.056.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Kế toán trưởng	259.428.000	-
Cộng		2.550.544.000	1.788.029.000

Cổ tức đã chia cho từng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác trong năm như sau:

Tên	Chức vụ	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Ông Lê Đình Hiến	Chủ tịch HĐQT	2.144.000.000	1.072.000.000
Ông Trần Việt Thắng	Thành viên HĐQT	1.679.900.000	528.200.000
Ông Trần Hùng Phương	Thành viên HĐQT đã miễn nhiệm	146.500.000	-
Ông Lý Chủ Hưng	Thành viên HĐQT	20.850.000	-
Ông Lê Văn Quý	Tổng Giám đốc	183.200.000	140.000.000
Ông Hậu Văn Tuấn	Giám đốc tài chính	69.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Kế toán trưởng	42.008.000	-
Cộng		4.285.458.000	1.740.200.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 08, Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thù lao của từng thành viên Ban Kiểm soát được hưởng trong năm như sau:

Tên	Chức vụ	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Ông Lê Huy Sáu	Trưởng Ban Kiểm soát	60.000.000	60.000.000
Bà Hoàng Thị Lụa	Thành viên Ban Kiểm soát	24.000.000	24.000.000
Bà Nguyễn Thị Liên	Thành viên Ban Kiểm soát	24.000.000	24.000.000
Cộng		108.000.000	108.000.000

Cổ tức đã chia cho từng thành viên Ban Kiểm soát được hưởng trong năm như sau:

Tên	Chức vụ	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Ông Lê Huy Sáu	Trưởng Ban Kiểm soát	444.000.000	206.000.000
Bà Hoàng Thị Lụa	Thành viên Ban Kiểm soát	656.000.000	319.800.000
Bà Nguyễn Thị Liên	Thành viên Ban Kiểm soát	330.000.000	160.590.000
Cộng		1.430.000.000	686.390.000

8. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có vấn đề hoặc tình huống nào khác phát sinh kể từ ngày 31/12/2023 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Công ty trong những năm tài chính sắp tới.

Phê duyệt

**Lê Văn Quý**
Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 25 tháng 03 năm 2024

Người lập

Nguyễn Thị Thu Hương
Kế toán trưởng